



**Phụ lục IX**

**TỔNG HỢP DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VIÊN CHỨC NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG**

(Kèm theo Công văn số: 242-CV/BCSD ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ)

STT	Ngành, lĩnh vực	Tổng cộng	Chia ra						Lý do điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Chuyên viên cao cấp và tương đương	Chuyên viên chính và tương đương	Chuyên viên và tương đương	Cán sự và tương đương	Nhân viên và tương đương	VTVL không xác định ngạch		
1	Lĩnh vực hợp tác quốc tế	2		1	1					
2	Lĩnh vực pháp chế	2		1	1					
3	Lĩnh vực tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng	6		3	3					
4	Lĩnh vực văn phòng	11		4	5	2				02 vị trí lưu trữ được sử dụng chung với 02 vị trí lưu trữ thuộc danh mục VTVL viên chức nghiệp vụ chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực nội vụ
5	Lĩnh vực kế hoạch, tài chính	13		4	5	2	1	1		
	<b>Tổng số</b>	<b>34</b>	<b>0</b>	<b>13</b>	<b>15</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>1</b>		

# DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VIÊN CHỨC NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Lý do điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
*	<b>Lĩnh vực hợp tác quốc tế</b>			
1	Chuyên viên chính về hợp tác quốc tế	Chuyên viên chính		
2	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	Chuyên viên		
*	<b>Lĩnh vực pháp chế</b>			
1	Chuyên viên chính về pháp chế	Chuyên viên chính		
2	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên		
*	<b>Lĩnh vực tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng</b>			
1	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính		
2	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên		
3	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính		
4	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên		
5	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính		
6	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên		
*	<b>Lĩnh vực văn phòng</b>			
1	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính		
2	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên		
3	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính		
4	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên		
5	Cán sự về hành chính - văn phòng	Cán sự		
6	Chuyên viên chính về truyền thông	Chuyên viên chính		
7	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên		

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Lý do điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
8	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính		
9	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên		
10	<i>Văn thư viên</i>	<i>Văn thư viên</i>	<i>Điều chỉnh tên VTVL theo đề nghị của Bộ Nội vụ (tên VTVL được tổng hợp tại Văn bản số 309-CV/BCSĐ: Chuyên viên về văn thư, cán sự về văn thư)</i>	
11	<i>Văn thư viên trung cấp</i>	<i>Văn thư viên trung cấp</i>		
12	<i>Lưu trữ viên hạng III</i>	<i>Hạng III</i>	<i>Điều chỉnh tên VTVL theo đề nghị của Bộ Nội vụ (tên VTVL được tổng hợp tại Văn bản số 309-CV/BCSĐ: Lưu trữ viên, lưu trữ viên trung cấp)</i>	Được sử dụng chung với VTVL viên chức nghiệp vụ chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực nội vụ
13	<i>Lưu trữ viên hạng IV</i>	<i>Hạng IV</i>		
*	<b>Lĩnh vực kế hoạch, tài chính</b>			
1	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính		
2	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên		
3	Chuyên viên chính về thống kê	Chuyên viên chính		
4	Chuyên viên về thống kê	Chuyên viên		
5	<i>Chuyên viên chính về tài chính</i>	<i>Chuyên viên chính</i>	<i>Điều chỉnh tên VTVL theo đề nghị của Bộ Tài chính (tên VTVL được tổng hợp tại Văn bản số 309-CV/BCSĐ: Chuyên viên chính, chuyên viên về tài chính ngân sách)</i>	
6	<i>Chuyên viên về tài chính</i>	<i>Chuyên viên</i>		
7	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách Kế toán)			
8	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính		
9	Kế toán viên	Kế toán viên		

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Lý do điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
10	Kế toán viên trung cấp	Kế toán viên trung cấp		
11	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên		
12	Cán sự Thủ quỹ	Cán sự		
13	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên		